

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	
Ông Vũ Văn Hiến	Ủy viên	
Ông Hồ Văn Ích Em	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016
Ông Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngô Long	Ủy viên	
Ông Phùng Vũ Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/03/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Dũng	Trưởng ban	
Ông Ngô Thế Hiến	Thành viên	
Ông Bùi Văn Tương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Xuân Sơn**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2016

Số: 1617/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim được lập ngày 30 tháng 06 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>58.169.229.492</b>	<b>54.214.831.035</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.604.363.722	6.926.157.939
111	1. Tiền		2.604.363.722	6.926.157.939
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.049.118.677	21.077.423.629
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	27.002.098.661	21.052.168.553
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		63.744.000	33.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	47.700.376	56.679.436
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(64.424.360)	(64.424.360)
140	IV. Hàng tồn kho	7	28.011.295.703	24.838.421.796
141	1. Hàng tồn kho		28.011.295.703	24.937.002.298
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(98.580.502)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		504.451.390	1.372.827.671
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		331.702.887	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		172.748.503	1.092.950.259
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	-	279.877.412
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>23.722.034.623</b>	<b>23.746.728.478</b>
220	II. Tài sản cố định		23.722.034.623	23.746.728.478
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	23.722.034.623	23.746.728.478
222	- Nguyên giá		87.087.771.950	86.057.969.909
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.365.737.327)	(62.311.241.431)
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>81.891.264.115</b>	<b>77.961.559.513</b>

011  
CÓN  
NH  
G KI  
AA  
KIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.785.269.768</b>	<b>30.461.410.597</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.785.269.768</b>	<b>30.461.410.597</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	13.171.982.618	10.618.945.317
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.639.589.601	1.363.495.290
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	468.604.291	37.471.104
314	4. Phải trả người lao động		3.720.599.721	6.444.751.428
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	90.140.300	119.330.273
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	227.320.941	520.940.586
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	12.069.198.197	11.222.666.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.397.834.099	133.810.599
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>47.105.994.347</b>	<b>47.500.148.916</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>47.105.994.347</b>	<b>47.500.148.916</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		26.000.000.000	26.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		8.796.663.000	8.796.663.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.309.331.347	12.703.485.916
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.058.867.916	88.088.620
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		8.250.463.431	12.615.397.296
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>81.891.264.115</b>	<b>77.961.559.513</b>


Phạm Thị Thanh Huyền  
Người lập

Đoàn Thị Thủy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	77.753.173.950	92.090.113.135
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	13.127.273	46.324.600
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		77.740.046.677	92.043.788.535
11	4. Giá vốn hàng bán	18	60.727.078.979	74.890.390.681
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.012.967.698	17.153.397.854
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	122.027.223	278.049.550
22	7. Chi phí tài chính	20	322.829.763	471.800.484
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		226.638.575	179.331.583
25	8. Chi phí bán hàng	21	364.022.436	435.193.697
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	7.576.599.037	7.631.410.599
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.871.543.685	8.893.042.624
31	11. Thu nhập khác		242.940.645	57.181.815
32	12. Chi phí khác		185.370.873	34.951.900
40	13. Lợi nhuận khác		57.569.772	22.229.915
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.929.113.457	8.915.272.539
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	678.650.026	676.086.197
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>8.250.463.431</b>	<b>8.239.186.342</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	3.173	3.169

Phạm Thị Thanh Huyền  
Người lập

Đoàn Thị Thủy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.929.113.457	8.915.272.539
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.109.323.961	1.445.830.216
03	- Các khoản dự phòng		(98.580.502)	(92.621.250)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(183.461)	104.126.709
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(149.644.162)	(12.178.117)
06	- Chi phí lãi vay		226.638.575	179.331.583
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.016.667.868	10.539.761.680
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.758.389.513)	(8.479.031.618)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.074.293.405)	(2.739.795.132)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.816.131.560	3.493.383.439
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(331.702.887)	(325.527.604)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(231.096.348)	(179.331.583)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(277.020.339)	(372.268.139)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.000.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(887.594.500)	(946.460.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.279.702.436	990.731.043
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.084.630.106)	(664.467.978)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		140.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.644.162	12.178.117
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.934.985.944)	(652.289.861)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		20.276.800.591	19.484.050.200
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(19.442.433.394)	(15.949.965.050)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.500.000.000)	(4.940.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.665.632.803)	(1.405.914.850)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.320.916.311)	(1.067.473.668)

1001111  
CÔNG TY  
CHÍNH NIÊM NH  
KIỂM TRA  
AASC  
KIỂM - TP.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.926.157.939	6.845.838.227
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(877.906)	502.342
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.604.363.722</u>	<u>5.778.866.901</u>

Phạm Thị Thanh Huyền  
Người lập

Đoàn Thị Thủy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 26.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 26.000.000.000 đồng; tương đương 2.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đúc kim loại đen và kim loại màu, chế tạo, gia công các sản phẩm cơ khí phục vụ cho các ngành công nghiệp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Chế tạo các sản phẩm cơ khí. Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị;
- Chế tạo các sản phẩm kết cấu và xây lắp công nghiệp;
- Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen, kim loại màu;
- Bán buôn máy móc thiết bị, bán buôn vật tư các loại, nguyên vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim;
- Xử lý các phế liệu kim loại;
- Phân tích mẫu kim loại;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục;
- Cho thuê kho, bãi.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

111  
ÔNG  
NHẬN  
S KIẾ  
AA  
KIẾ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: đánh giá sản phẩm dở dang theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Y  
ƯU HẠI  
1 TOA  
30  
1. TP.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

**2.15 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.18 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**b) Ưu đãi thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính với thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2007. Công ty được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2007) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Đối với hoạt động kinh doanh vật tư trong ngành cơ khí, luyện kim xác định theo giấy phép kinh doanh, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2007, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ 2007, giảm 50% thuế phải nộp trong thời hạn 6 năm kể từ năm 2009.

1111  
ÔNG  
NHIỆM  
KIỂM  
AS  
KIỂM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	93.116.354	138.861.834
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.511.247.368	6.787.296.105
	<b>2.604.363.722</b>	<b>6.926.157.939</b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	6.748.212.500	4.900.753.000
- Công ty TNHH Sản phẩm công nghiệp TOSHIBA ASIA	2.681.788.457	3.921.310.295
- Công ty CP Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	2.715.900.000	1.046.496.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.856.197.704	11.183.609.258
	<b>27.002.098.661</b>	<b>21.052.168.553</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29.	<b>10.234.923.200</b>	<b>8.240.665.150</b>

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	40.070.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	1.630.376	-	50.679.436	-
	<b>47.700.376</b>	<b>-</b>	<b>56.679.436</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**6 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thép Quarton	92.034.800	27.610.440	92.034.800	27.610.440
	<b>92.034.800</b>	<b>27.610.440</b>	<b>92.034.800</b>	<b>27.610.440</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.061.291.397	-	8.376.361.183	-
Công cụ, dụng cụ	44.855.342	-	36.934.379	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.742.729.459	-	6.089.476.127	-
Thành phẩm	10.162.419.505	-	10.434.230.609	(98.580.502)
	<b>28.011.295.703</b>	<b>-</b>	<b>24.937.002.298</b>	<b>(98.580.502)</b>



## 8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	15.995.297.283	55.640.401.340	12.050.385.519	2.371.885.767	86.057.969.909
- Mua trong kỳ	-	300.000.000	823.820.909	338.250.000	1.462.070.909
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	622.559.197	-	622.559.197
- Thanh lý, nhượng bán	-	(581.526.255)	(473.301.810)	-	(1.054.828.065)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.995.297.283</b>	<b>55.358.875.085</b>	<b>13.023.463.815</b>	<b>2.710.135.767</b>	<b>87.087.771.950</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	10.879.851.244	42.806.127.666	6.793.511.651	1.831.750.870	62.311.241.431
- Khấu hao trong kỳ	225.534.600	1.262.032.504	547.167.869	74.588.988	2.109.323.961
- Thanh lý, nhượng bán	-	(581.526.255)	(473.301.810)	-	(1.054.828.065)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.105.385.844</b>	<b>43.486.633.915</b>	<b>6.867.377.710</b>	<b>1.906.339.858</b>	<b>63.365.737.327</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	5.115.446.039	12.834.273.674	5.256.873.868	540.134.897	23.746.728.478
Tại ngày cuối kỳ	4.889.911.439	11.872.241.170	6.156.086.105	803.795.909	23.722.034.623

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 46.815.108.543 đồng.

## 9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Mạnh Quốc Việt	2.408.026.500	2.408.026.500	1.719.701.500	1.719.701.500
- Công ty TNHH Tháng Năm	1.679.011.400	1.679.011.400	2.402.809.800	2.402.809.800
- Phải trả các đối tượng khác	9.084.944.718	9.084.944.718	6.496.434.017	6.496.434.017
	<b>13.171.982.618</b>	<b>13.171.982.618</b>	<b>10.618.945.317</b>	<b>10.618.945.317</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	11.142.500	11.142.500	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	37.471.104	678.650.026	277.020.339	-	439.100.791
Thuế Thu nhập cá nhân	279.877.412	-	673.181.179	363.800.267	-	29.503.500
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	<b>279.877.412</b>	<b>37.471.104</b>	<b>1.365.973.705</b>	<b>654.963.106</b>	<b>-</b>	<b>468.604.291</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	4.457.773
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	42.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	48.140.300	114.872.500
	<b>90.140.300</b>	<b>119.330.273</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	91.478.100	-
- Bảo hiểm xã hội	30.560.600	38.200.151
- Lương đóng góp cho các hoạt động xã hội	90.417.041	127.438.298
- Thuế TNCN phải trả	-	336.097.137
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.865.200	19.205.000
	<b>227.320.941</b>	<b>520.940.586</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**13 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (1)	11.222.666.000	11.222.666.000	13.599.892.213	14.331.172.500	10.491.385.713	10.491.385.713
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đồng Nai (2)	-	-	6.689.073.378	5.111.260.894	1.577.812.484	1.577.812.484
	<b>11.222.666.000</b>	<b>11.222.666.000</b>	<b>20.288.965.591</b>	<b>19.442.433.394</b>	<b>12.069.198.197</b>	<b>12.069.198.197</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Bao gồm các Hợp đồng tín dụng số 0128.15/48.05-HMTD ngày 06 tháng 05 năm 2015 và hợp đồng tín dụng số 068.16/48.05 - HMTD ngày 06 tháng 05 năm 2016 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng theo từng hợp đồng: 20 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại linh hoạt;
- + Thời hạn của hợp đồng: tối đa 05 tháng kể từ ngày rút vốn;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng theo biểu lãi suất thông báo tại từng thời điểm nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là: 306.000 USD và 3.655.345.713 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT 680 - SDK ngày 30 tháng 11 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: thanh toán chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh ngắn hạn;
- + Thời hạn của hợp đồng: được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng theo biểu lãi suất thông báo tại từng thời điểm nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là: 1.577.812.484 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: máy móc thiết bị thuộc sở hữu bên vay theo các hợp đồng thế chấp tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	26.000.000.000	7.331.272.000	7.881.743.620	41.213.015.620
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	8.239.186.342	8.239.186.342
Phân phối lợi nhuận	-	1.465.391.000	(7.793.655.000)	(6.328.264.000)
Số dư cuối kỳ trước	26.000.000.000	8.796.663.000	8.327.274.962	43.123.937.962
Số dư đầu năm nay	26.000.000.000	8.796.663.000	12.703.485.916	47.500.148.916
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	8.250.463.431	8.250.463.431
Phân phối lợi nhuận	-	-	(8.644.618.000)	(8.644.618.000)
Số dư cuối kỳ này	26.000.000.000	8.796.663.000	12.309.331.347	47.105.994.347

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/SDK/ĐHCĐ ngày 29 tháng 03 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	12.615.397.296
Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển qua	88.088.620
<b>Tổng lợi nhuận để phân phối</b>	<b>12.703.485.916</b>
Trích Quỹ Phúc lợi (bằng 12% lợi nhuận)	1.513.848.000
Trích Quỹ khen thưởng (bằng 5% lợi nhuận)	630.770.000
Chi trả cổ tức (bằng 25% vốn điều lệ)	6.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	4.058.867.916





**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	45,00%	11.700.000.000	45,00%	11.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	55,00%	14.300.000.000	55,00%	14.300.000.000
- Ông Nguyễn Thái Thiện	7,58%	1.971.000.000	7,58%	1.971.000.000
- Ông Trần Phước Dũng	6,20%	1.613.000.000	6,20%	1.613.000.000
- Ông Nguyễn Ngô Long	5,04%	1.310.000.000	5,04%	1.310.000.000
- Các cổ đông khác	36,18%	9.406.000.000	36,18%	9.406.000.000
	<b>100%</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>26.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.000.000.000	26.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	26.000.000.000	26.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	26.000.000.000	26.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.500.000.000	4.940.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	6.500.000.000	4.940.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.600.000	2.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000	2.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.600.000	2.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	41.227,77	121.261,41
- Đồng Euro (EUR)	241,27	241,15

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	76.958.383.054	92.048.713.135
Doanh thu cung cấp dịch vụ	794.790.896	41.400.000
	<b>77.753.173.950</b>	<b>92.090.113.135</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29.)	18.237.257.132	23.133.556.500

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	9.966.000
Giảm giá hàng bán	13.127.273	36.358.600
	<b>13.127.273</b>	<b>46.324.600</b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	60.626.752.612	74.848.990.681
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	198.906.869	41.400.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(98.580.502)	-
	<b>60.727.078.979</b>	<b>74.890.390.681</b>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.644.162	12.178.117
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	112.199.600	265.871.433
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	183.461	-
	<b>122.027.223</b>	<b>278.049.550</b>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	226.638.575	179.331.583
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	96.191.188	188.342.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	104.126.709
	<b>322.829.763</b>	<b>471.800.484</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.555.000	60.905.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.343.715	368.468.782
Chi phí khác bằng tiền	11.123.721	5.819.818
	<b>364.022.436</b>	<b>435.193.697</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	446.673.941	367.012.117
Chi phí nhân công	4.747.469.425	5.491.417.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.462.485	178.599.897
Thuế, phí, lệ phí	42.564.728	30.764.091
Hoàn nhập dự phòng	-	(92.621.250)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.815.168	419.151.151
Chi phí khác bằng tiền	1.687.613.290	1.237.086.842
	<b>7.576.599.037</b>	<b>7.631.410.599</b>

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.929.113.457	8.915.272.539
Các khoản điều chỉnh tăng	-	34.935.000
- Chi phí không hợp lệ	-	34.935.000
Thu nhập tính thuế TNDN	8.929.113.457	8.950.207.539
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</b>	<b>1.785.822.691</b>	<b>1.969.045.659</b>
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	(1.107.172.665)	(1.292.959.462)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>678.650.026</b>	<b>676.086.197</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	37.471.104	120.222.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(277.020.339)	(372.268.139)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>439.100.791</b>	<b>424.040.670</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế	8.250.463.431	8.239.186.342
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.250.463.431	8.239.186.342
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.600.000	2.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.173</b>	<b>3.169</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.111.627.628	50.747.944.040
Chi phí nhân công	19.308.780.631	22.256.722.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.109.323.961	1.445.830.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.074.116.449	5.581.907.050
Chi phí khác bằng tiền	1.635.864.792	1.735.517.545
	<b>72.239.713.461</b>	<b>81.767.921.256</b>



**26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.604.363.722	-	6.926.157.939	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.049.799.037	(64.424.360)	21.108.847.989	(64.424.360)
	<b>29.654.162.759</b>	<b>(64.424.360)</b>	<b>28.035.005.928</b>	<b>(64.424.360)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			12.069.198.197	11.222.666.000
Phải trả người bán, phải trả khác			13.399.303.559	11.139.885.903
Chi phí phải trả			90.140.300	119.330.273
			<b>25.558.642.056</b>	<b>22.481.882.176</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.604.363.722	-	-	2.604.363.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.985.374.677	-	-	26.985.374.677
	<u>29.589.738.399</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>29.589.738.399</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.926.157.939	-	-	6.926.157.939
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.044.423.629	-	-	21.044.423.629
	<u>27.970.581.568</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>27.970.581.568</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố  
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	12.069.198.197	-	-	12.069.198.197
Phải trả người bán, phải trả khác	13.399.303.559	-	-	13.399.303.559
Chi phí phải trả	90.140.300	-	-	90.140.300
	<u>25.558.642.056</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.558.642.056</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	11.222.666.000	-	-	11.222.666.000
Phải trả người bán, phải trả khác	11.139.885.903	-	-	11.139.885.903
Chi phí phải trả	119.330.273	-	-	119.330.273
	<u>22.481.882.176</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.481.882.176</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm đúc, cơ khí rèn chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.







**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



**Phạm Thị Thanh Huyền**  
Người lập



**Đoàn Thị Thủy**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Xuân Sơn**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2016

